

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2024/TT-BTP

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành Thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật Cảnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 3431/BNV-CCVC ngày 05 tháng 7 năm 2023;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành Thi hành án dân sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương các ngạch công chức chuyên ngành Thi hành án dân sự, gồm Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án và Thư ký thi hành án.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức làm công tác thi hành án dân sự thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Các trường hợp đặc biệt được bổ nhiệm ngạch Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên cao cấp không qua thi tuyển thì thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 18 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thời gian làm công tác pháp luật là tổng thời gian làm các công việc sau:

a) Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án, Thư ký trung cấp thi hành án; Thẩm phán, Thẩm tra viên ngành Tòa án, Thư ký Tòa án; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên ngành Kiểm sát; Điều tra viên thuộc Cơ quan điều tra trong Công an Nhân dân, Quân đội Nhân dân Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Trinh sát viên trung cấp trở lên, Cảnh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng Cảnh sát nhân dân, Trinh sát viên trung cấp trở lên của lực lượng An ninh nhân dân; sỹ quan điều tra, bảo vệ an ninh trong Quân đội Nhân dân Việt Nam; Thanh tra viên;

b) Thời gian có trình độ cử nhân luật trở lên và giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở lên tại các vị trí việc làm có yêu cầu trình độ cử nhân luật trở lên đối với công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan sau: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; hệ thống thi hành án dân sự; các cơ quan tòa án, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, nội vụ, nội chính, pháp chế, cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo pháp luật trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; thời gian có trình độ cử nhân luật trở lên thuộc trường hợp được tính là tương đương thời gian giữ ngạch theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

c) Thời gian có trình độ cử nhân luật trở lên và giữ chức vụ lãnh đạo cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên;

d) Thời gian hành nghề luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, quản tài viên, thừa phát lại.

2. Tài liệu xác định thời gian làm công tác pháp luật là:

a) Quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh, văn bản có nội dung thay đổi ngạch, chức danh (nếu có) đối với người thuộc điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bằng cử nhân luật trở lên; quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, bổ nhiệm chức danh viên chức, văn bản có nội dung thay đổi ngạch, chức danh (nếu có) hoặc hợp đồng làm việc đối với viên chức kèm bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với vị trí việc

làm đã đảm nhiệm, quyết định xếp lương theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, đối với người thuộc điểm b khoản 1 Điều này;

c) Bằng cử nhân luật trở lên; quyết định phê chuẩn chức vụ, chức danh, văn bản có nội dung thay đổi chức vụ, chức danh (nếu có) đối với người thuộc điểm c khoản 1 Điều này;

d) Bằng cử nhân luật trở lên; quyết định cấp Thẻ luật sư, chứng chỉ hành nghề Đấu giá viên, chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại, quyết định bổ nhiệm Công chứng viên, kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với các chức danh tại điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản là người đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đã được kiểm tra, đánh giá có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản khi tuyển dụng, tiếp nhận; bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức;

b) Có văn bằng hoặc có chứng chỉ xác định có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định.

4. Tài liệu xác định chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến là:

a) Quyết định của người có thẩm quyền về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Tổ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hoặc có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền đối với trường hợp không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Tổ soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Quyết định của người có thẩm quyền về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành, cấp tỉnh, cấp cơ sở hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì thẩm định văn bản quy phạm pháp luật;

c) Quyết định hoặc văn bản công nhận hoặc phê duyệt sáng kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mã số ngạch công chức thi hành án dân sự

1. Chấp hành viên cao cấp	Mã số: 03.299
2. Chấp hành viên trung cấp	Mã số: 03.300
3. Chấp hành viên sơ cấp	Mã số: 03.301
4. Thẩm tra viên cao cấp thi hành án	Mã số: 03.230
5. Thẩm tra viên chính thi hành án	Mã số: 03.231
6. Thẩm tra viên thi hành án	Mã số: 03.232

7. Thư ký thi hành án

Mã số: 03.302

8. Thư ký trung cấp thi hành án

Mã số: 03.303

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng; trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công chức theo quy định của pháp luật; nghiêm túc chấp hành sự phân công nhiệm vụ của cấp trên; tuân thủ pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, trật tự hành chính; gương mẫu thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan.

3. Tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm và gương mẫu trong thực thi công vụ; lịch sự, văn hóa và chuẩn mực trong giao tiếp, phục vụ nhân dân.

4. Có lối sống và sinh hoạt lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không lợi dụng việc công để mưu cầu lợi ích cá nhân; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

5. Thường xuyên có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Công chức được đăng ký dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Chính phủ.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CHẤP HÀNH VIÊN

Điều 5. Ngạch Chấp hành viên cao cấp

1. Chức trách

Chấp hành viên cao cấp là công chức có chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính cao nhất, trực tiếp tổ chức thi hành, đôn đốc thi hành những vụ việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính đặc biệt phức tạp, có liên quan đến các ngành, các cấp, các địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của Cục Thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 20 của Luật Thi hành án dân sự;

b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất chương trình công tác, những vấn đề về tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi hành án;

c) Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, đôn đốc hoặc giúp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình thực hiện thi hành án dân sự và pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; tiếp công dân theo quy định;

đ) Hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án đối với Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên sơ cấp;

e) Xây dựng kế hoạch thi hành án dân sự và tổ chức thực hiện các quyết định của Thủ trưởng cơ quan về thi hành án dân sự;

g) Giúp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nắm tình hình công tác thi hành án và việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án trên địa bàn; tổ chức tổng kết thực tiễn công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

h) Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản về thi hành án, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

i) Thực hiện nhiệm vụ khác do pháp luật quy định hoặc do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và am hiểu sâu sắc đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;

b) Nắm vững và am hiểu các kiến thức về quản lý hành chính nhà nước, am hiểu sâu các nội dung pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục về nghiệp vụ thi hành án dân sự;

c) Nắm vững tình hình và xu thế phát triển của lĩnh vực thi hành án dân sự trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

d) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ của lĩnh vực thi hành án dân sự để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; có khả năng phối hợp tốt với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

đ) Có khả năng giáo dục, thuyết phục đương sự thi hành bản án, quyết định của toà án; quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

e) Thành thạo các kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác, tài liệu giảng dạy liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

g) Có năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết chuyên đề diện rộng thuộc lĩnh vực được giao, đề xuất những vấn đề chiến lược về công tác thi hành án dân sự, công tác thi hành án hành chính; có khả năng phân tích, khái quát, tổng hợp trong nhiều lĩnh vực liên quan đến công tác thi hành án;

h) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

c) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có bằng, giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Chấp hành viên cao cấp theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch Chấp hành viên cao cấp thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ ngạch Chấp hành viên trung cấp từ 05 năm (60 tháng) trở lên;

b) Trong thời gian giữ ngạch Chấp hành viên trung cấp đã chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) trong số các sản phẩm sau: văn bản quy phạm pháp luật, đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu.

Điều 6. Ngạch Chấp hành viên trung cấp

1. Chức trách

Chấp hành viên trung cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, trực tiếp tổ chức thi hành, đôn đốc thi hành các vụ việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính phức tạp, số tiền, tài sản phải thi hành lớn; việc thi hành án liên quan đến nhiều địa phương thuộc thẩm quyền của Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 20 của Luật Thi hành án dân sự;

b) Tham gia xây dựng văn bản chỉ đạo công tác thi hành án, biên soạn tài liệu và hướng dẫn, phổ biến nghiệp vụ công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ đối với Chấp hành viên sơ cấp, Thư ký thi hành án, Thư ký trung cấp thi hành án;

d) Triển khai thực hiện công tác thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quyết định thi hành án dân sự; đề xuất biện pháp, chỉ đạo việc thi hành các quyết định thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân theo quy định;

e) Báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, kiến nghị, đề xuất biện pháp tổ chức thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

g) Giúp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nắm tình hình công tác thi hành án và việc chấp hành pháp luật trong công tác thi hành án thuộc thẩm quyền theo sự phân công;

h) Tham gia nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm và thực tiễn thi hành án;

i) Nghiên cứu, kiến nghị, sửa đổi bổ sung các văn bản về thi hành án, đề xuất ý kiến đóng góp về hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án;

k) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

b) Am hiểu sâu về nội dung pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục về nghiệp vụ thi hành án dân sự;

c) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của công tác thi hành án dân sự trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

d) Có khả năng phối hợp tốt với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

đ) Có khả năng giáo dục, thuyết phục đương sự thi hành bản án, quyết định của toà án; quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

e) Có khả năng phân tích, tổng hợp, thành thạo kỹ năng xây dựng văn bản, tài liệu liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao và thuyết trình về các vấn đề được giao;

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Chấp hành viên trung cấp theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch Chấp hành viên trung cấp thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có thời gian giữ ngạch Chấp hành viên sơ cấp từ 05 năm (60 tháng) trở lên;
- b) Trong thời gian giữ ngạch Chấp hành viên sơ cấp đã tham gia xây dựng, ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật, đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện đạt hiệu quả ít nhất 01 sáng kiến trong phạm vi hệ thống tổ chức Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự hoặc Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 7. Ngạch Chấp hành viên sơ cấp

1. Chức trách

Chấp hành viên sơ cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi hành án dân sự, đôn đốc thi hành án hành chính đối với những vụ việc đơn giản, lượng tiền, tài sản phải thi hành án có giá trị không lớn thuộc thẩm quyền thi hành của Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 20 của Luật Thi hành án dân sự;
- b) Hướng dẫn nghiệp vụ đối với Thư ký thi hành án, Thư ký trung cấp thi hành án;
- c) Triển khai thực hiện công tác thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật;
- d) Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quyết định thi hành án dân sự; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân theo quy định;
- đ) Báo cáo kết quả thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; kiến nghị các biện pháp giải quyết;
- e) Nghiên cứu, kiến nghị, sửa đổi bổ sung các văn bản về thi hành án, đề xuất ý kiến đóng góp về hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án;
- g) Tham gia xây dựng văn bản về công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính thuộc lĩnh vực được giao, đề xuất những vấn đề về tổ chức thi hành án dân sự, thi hành án hành chính thuộc thẩm quyền;
- h) Thực hiện nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thi hành án giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

b) Nắm vững nội dung pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục về nghiệp vụ thi hành án trong việc tổ chức thi hành các vụ việc được giao;

c) Nắm được tình hình kinh tế, xã hội ở địa phương; thông thạo địa bàn được phụ trách;

d) Có khả năng phối hợp tốt với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

đ) Có khả năng giáo dục, thuyết phục đương sự thi hành bản án, quyết định của Tòa án; quyết định xử lý vụ việc của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

e) Có khả năng soạn thảo các văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương;

c) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự.

5. Người dự thi vào ngạch Chấp hành viên sơ cấp phải có thời gian làm công tác pháp luật từ 03 năm (36 tháng) trở lên.

Chương III

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH THẨM TRA VIÊN THI HÀNH ÁN

Điều 8. Ngạch Thẩm tra viên cao cấp thi hành án

1. Chức trách

Thẩm tra viên cao cấp thi hành án là công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao nhất về lĩnh vực thẩm tra thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, kiểm tra những vụ việc thi hành án dân sự quan trọng, phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và nhiều địa phương; thẩm tra, kiểm tra, xác minh các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 67 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và các nhiệm vụ khác, gồm:

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng dự án, dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hệ thống thi hành án dân sự;

b) Thực hiện việc thẩm tra, kiểm tra những vụ việc thi hành án đã và đang thi hành; xây dựng kế hoạch kiểm tra, chủ động thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xác minh, kiểm tra công tác thi hành án dân sự theo kế hoạch đã được Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phê duyệt. Quá trình thẩm tra, nếu phát hiện có sai sót phải tham mưu cho cấp có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thực hiện quyết định có sai sót đó để khắc phục, sửa chữa và chịu trách nhiệm về những kiến nghị của mình;

c) Lập kế hoạch, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phê duyệt, tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thẩm tra, kiểm tra, xác minh và đề xuất biện pháp giải quyết đối với các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính;

d) Lập kế hoạch, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phê duyệt, tổ chức thực hiện, thẩm tra, xác minh, kiểm tra thống kê, báo cáo dữ liệu thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và những hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Thẩm tra, kiểm tra, tham mưu giải quyết những vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp liên quan đến công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống thi hành án dân sự;

e) Thẩm tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo liên quan đến công tác thi hành án dân sự; báo cáo kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự trong phạm vi hệ thống thi hành án dân sự;

g) Nghiên cứu các đề tài khoa học về công tác thi hành án;

h) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính;

i) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự chỉ đạo các cơ quan thi hành án dân sự thi hành các vụ việc phức tạp;

k) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo thẩm quyền;

l) Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các ngạch Thẩm tra viên thi hành án; chỉ đạo hoặc trực tiếp biên soạn tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ đối với ngạch Chấp hành viên, ngạch Thẩm tra viên thi hành án, ngạch Thư ký thi hành án;

m) Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự trong việc hướng dẫn, chỉ đạo thẩm tra, kiểm tra nghiệp vụ thi hành án dân sự trong toàn quốc và đề xuất các biện pháp giải quyết nhằm bảo đảm việc tổ chức thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính đúng pháp luật và hiệu quả;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, văn bản, chỉ đạo của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;

b) Nắm vững và am hiểu các kiến thức về quản lý hành chính nhà nước, am hiểu sâu các nội dung pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo; áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục thẩm tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; am hiểu sâu các nội dung pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục về nghiệp vụ thi hành án dân sự;

c) Nắm vững tình hình và xu thế phát triển của lĩnh vực thi hành án dân sự trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

d) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ của lĩnh vực thi hành án dân sự để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Thành thạo các kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác, tài liệu giảng dạy liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, nghiệp vụ thẩm tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự;

e) Có năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết chuyên đề diện rộng thuộc lĩnh vực được giao, đề xuất những vấn đề chiến lược về công tác thi hành án dân sự, công tác thi hành án hành chính; có khả năng phân tích, khái quát, tổng hợp trong nhiều lĩnh vực liên quan đến công tác thi hành án;

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

c) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có bằng, giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Thẩm tra viên cao cấp thi hành án theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch Thẩm tra viên cao cấp thi hành án thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên chính thi hành án hoặc tương đương từ đủ 06 năm (đủ 72 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên chính thi hành án tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

b) Trong thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên chính thi hành án hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 02 (hai) trong số các sản phẩm sau: văn bản quy phạm pháp luật, đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu.

Điều 9. Ngạch Thẩm tra viên chính thi hành án

1. Chức trách

Thẩm tra viên chính thi hành án là công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao về lĩnh vực thẩm tra thi hành án dân sự, thi hành án hành chính giúp Thủ trưởng cơ quan trực tiếp hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ thẩm tra những vụ việc đã và đang thi hành án, thẩm tra, kiểm tra, xác minh các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự và thực hiện một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và các nhiệm vụ khác, gồm:

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hệ thống thi hành án dân sự;

b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, chủ động thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xác minh, kiểm tra và đề xuất biện pháp giải quyết đối với công tác thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hình chính theo kế hoạch đã được Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt;

c) Thực hiện thẩm tra hồ sơ các vụ việc đã và đang thi hành theo kế hoạch được duyệt hoặc theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự; đề xuất hướng giải quyết và chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót phải tham mưu cho cấp có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thực hiện quyết định sai sót đó để khắc phục, sửa chữa và chịu trách nhiệm về những kiến nghị của mình;

d) Biên soạn tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ đối với ngạch Chấp hành viên sơ cấp, ngạch Thẩm tra viên thi hành án, ngạch Thư ký thi hành án;

đ) Thẩm tra, xác minh, kiểm tra báo cáo thống kê, báo cáo dữ liệu thi hành án dân sự của Chấp hành viên trung cấp, Chấp hành viên sơ cấp và của các cơ quan thi hành án dân sự trực thuộc;

e) Thẩm tra, kiểm tra, xác minh, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống Thi hành án dân sự;

g) Thẩm tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo liên quan đến công tác thi hành án dân sự, báo cáo kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự của các đơn vị trực thuộc;

h) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính;

i) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự: Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo thẩm quyền; thẩm tra, kiểm tra, xác minh, tham mưu giải quyết các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính theo sự chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự hoặc cơ quan thi hành án dân sự;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Thủ trưởng cơ quan giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

b) Am hiểu các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo; áp dụng thành thạo các nguyên tắc, chế độ, thủ tục thẩm tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

c) Có năng lực chủ trì hoặc tham gia đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ của lĩnh vực thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của công tác thi hành án dân sự trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

đ) Có khả năng phân tích, tổng hợp, thành thạo kỹ năng xây dựng văn bản, tài liệu liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao và thuyết trình về các vấn đề được giao;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Thẩm tra viên chính thi hành án theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch Thẩm tra viên chính thi hành án thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên thi hành án hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên thi hành án tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) liên tục tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

b) Trong thời gian giữ ngạch Thẩm tra viên thi hành án hoặc tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc đã chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện đạt hiệu quả ít nhất 01 sáng kiến trong phạm vi hệ thống thi hành án dân sự, đơn vị thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự hoặc Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 10. Ngạch Thẩm tra viên thi hành án

1. Chức trách

Thẩm tra viên thi hành án là công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực thẩm tra thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, giúp Thủ trưởng cơ quan trực tiếp thực hiện việc thẩm tra những vụ việc đã và đang thi hành án, thẩm tra xác minh các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự.

2. Nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và các nhiệm vụ khác, gồm:

a) Thực hiện thẩm tra hồ sơ các vụ việc đã và đang thi hành do Chấp hành viên thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt hoặc theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, đề xuất hướng giải quyết và chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình;

b) Thẩm tra, kiểm tra, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống thi hành án dân sự;

c) Thẩm tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

d) Thẩm tra thống kê, báo cáo, dữ liệu thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính và những hồ sơ, tài liệu khác có liên quan của Chấp hành viên, của các cơ quan thi hành án dân sự trực thuộc;

đ) Tham gia xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hệ thống thi hành án dân sự;

e) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính;

g) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự: Trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo thẩm quyền đối với những vụ việc đơn giản; thẩm tra, kiểm tra, xác minh, tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với những vụ việc đơn giản thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự;

h) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xác minh, kiểm tra và đề xuất biện pháp giải quyết theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan;

i) Thực hiện nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để vận dụng vào công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

b) Nắm vững các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ thẩm tra, kiểm tra thi hành án dân sự, nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo;

c) Nắm được tình hình kinh tế, xã hội ở địa phương liên quan đến công tác thi hành án dân sự;

d) Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, quản lý thi hành án hành chính; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

đ) Có năng lực phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

e) Nắm vững quy trình giải quyết công việc, có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Thẩm tra viên thi hành án theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức đề nghị bổ nhiệm vào ngạch Thẩm tra viên thi hành án phải đang giữ ngạch Chuyên viên hoặc tương đương, có thời gian làm công tác pháp luật từ 03 năm (36 tháng) trở lên.

Chương IV

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH THƯ KÝ THI HÀNH ÁN

Điều 11. Ngạch Thư ký thi hành án

1. Chức trách

Thư ký thi hành án là công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, có trách nhiệm giúp Chấp hành viên thực hiện các trình tự, thủ tục trong công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính hoặc giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện nhiệm vụ thẩm tra theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

a) Ghi chép biên bản xác minh thi hành án; biên bản giải quyết thi hành án; biên bản giao quyết định, văn bản; biên bản xử lý vật chứng, tài sản đã kê biên, tạm giữ; biên bản kê biên tài sản; biên bản họp, biên bản định giá tài sản; biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản; biên bản tiêu hủy tang vật; biên bản cưỡng chế; biên bản giao nhà đất; biên bản trả tài sản và các biên bản nghiệp vụ khác;

b) Thực hiện một số nội dung xác minh, xây dựng hồ sơ thi hành án dân sự theo sự phân công của Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án;

c) Tham mưu, giúp Chấp hành viên chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, tổ chức thi hành thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện; giúp Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật hoặc giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện nhiệm vụ thẩm tra những vụ việc đã và đang thi hành án, các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

d) Giúp Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án thông báo các giấy tờ thi hành án theo quy định;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giúp Chấp hành viên thực hiện công tác tổ chức thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính; giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện thẩm tra thi hành án theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thi hành án giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực công tác thi hành án dân sự;

b) Nắm vững các kiến thức cơ bản về pháp lý và nghiệp vụ thi hành án dân sự;

c) Có khả năng tổng hợp, đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề về liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của thư ký thi hành án;

d) Có kỹ năng soạn thảo văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ cử nhân luật trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với Thư ký thi hành án dân sự theo nội dung chương trình của Bộ Tư pháp.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch Thư ký thi hành án phải có thời gian giữ ngạch Thư ký trung cấp thi hành án từ 03 năm (36 tháng) trở lên.

Điều 12. Ngạch Thư ký trung cấp thi hành án

1. Chức trách

Thư ký trung cấp thi hành án là công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, có trách nhiệm giúp Chấp hành viên thực hiện các trình tự, thủ tục trong công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính hoặc giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện thẩm tra thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

a) Ghi chép biên bản xác minh thi hành án; biên bản giải quyết thi hành án; biên bản giao quyết định, văn bản; biên bản xử lý vật chứng, tài sản đã kê biên, tạm giữ; biên bản kê biên tài sản; biên bản họp, biên bản định giá tài sản; biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản; biên bản tiêu hủy tang vật; biên bản cưỡng chế; biên bản giao nhà đất; biên bản trả tài sản và các biên bản nghiệp vụ khác;

b) Tham mưu, giúp Chấp hành viên sơ cấp chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, tổ chức thi hành thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện; giúp Chấp hành viên sơ cấp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác thi hành án hành chính theo quy định của pháp luật hoặc giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện nhiệm vụ thẩm tra những vụ việc đã và đang thi hành án, các vụ việc có đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Chấp hành viên sơ cấp, Thẩm tra viên thi hành án thông báo giấy tờ thi hành án theo quy định;

d) Thực hiện một số nội dung xác minh, xây dựng hồ sơ thi hành án dân sự theo sự phân công của Chấp hành viên sơ cấp, Thẩm tra viên thi hành án;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để giúp Chấp hành viên sơ cấp thực hiện công tác tổ chức thi hành án dân sự; giúp Thẩm tra viên thi hành án thực hiện thẩm tra thi hành án theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan thi hành án giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu được quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực công tác thi hành án dân sự;

b) Hiểu vững các kiến thức cơ bản về pháp luật và nghiệp vụ thi hành án dân sự;

c) Có khả năng tổng hợp, đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của Thư ký trung cấp thi hành án;

d) Có khả năng soạn thảo văn bản liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có trình độ trung cấp luật trở lên.

Điều 13. Xếp lương đối với công chức chuyên ngành thi hành án dân sự

Công chức chuyên ngành thi hành án dân sự được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ) như sau:

a) Ngạch Chấp hành viên cao cấp, Thẩm tra viên cao cấp thi hành án được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm A3.1;

b) Ngạch Chấp hành viên trung cấp, Thẩm tra viên chính thi hành án được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.1;

c) Ngạch Chấp hành viên sơ cấp, Thẩm tra viên thi hành án, Thư ký thi hành án được áp dụng hệ số lương công chức loại A1;

d) Ngạch Thư ký trung cấp thi hành án được áp dụng hệ số lương công chức loại B.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành trong hệ thống thi hành án dân sự là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm và quản lý đội ngũ công chức làm công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Quy định chuyên tiếp

1. Trường hợp công chức có chứng chỉ hoàn thành các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì không phải tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm của ngạch công chức tương đương tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp công chức đã được bổ nhiệm vào ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự trước ngày Thông tư này có hiệu lực (kể cả trường hợp do yêu cầu vị trí công tác phải chuyển ngạch công chức tương đương nay bố trí lại ngạch cũ) thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Thay thế Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự; Thông tư số 08/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện các quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ,
- Công TTĐT Bộ Tư pháp,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Lưu: VT, TCTHADS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Mai Lương Khôi